

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST

Ngày 24/7/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Như Hoa

- Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Cụm 4, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 16/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, anh và chị H được tự do tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng. Sau khi kết hôn, chị H và anh chung sống cùng nhau tại gia đình bố mẹ đẻ anh tại xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị H sinh sống được khoảng 1 tháng, sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ. Đến tháng 10/2017, mâu thuẫn giữa anh, chị H trở lên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh

làm nghề tổ chức sự kiện nên chị H nghi ngờ anh không chung thủy, cư xử hỗn láo với bố mẹ anh. Chị H chính thức đã đưa các con của anh chị về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung tên các cháu là Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 09/02/2005; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/02/2009; Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/11/2012. Ly hôn anh xin nuôi 2 cháu Ng, cháu L vì: Thu nhập chính của anh ngoài lương cán bộ xã còn có thu nhập ngoài từ nghề tổ chức sự kiện; Anh và chị H, các con của anh và chị H đều sinh sống ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ anh; hiện tại bố mẹ anh vẫn tạo điều kiện chỗ ở cho anh sinh sống; chị H đang sống tạm thời tại nhà mẹ đẻ, mức thu nhập của chị H thấp nên điều kiện kinh tế chăm sóc con hạn chế. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Ng, cháu L.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị nhất trí lời trình bày của anh T. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T tại gia đình bố mẹ đẻ anh T tại xã H huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 có phát sinh mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được khoảng 10 ngày, sau đó chị xin lỗi anh T và bố mẹ đẻ anh T nên vợ chồng đoàn tụ được đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có nhiều quan hệ bất chính, không quan tâm chăm sóc gia đình và có đánh chị. Chị và anh T sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 đến nay, anh T không còn quan tâm đến chị và các con, đầu tháng 5/2018 chị đã đưa các cháu Tr, Ng, L cùng về nhà mẹ đẻ chị tại cụm 4, xã H, huyện Đ, sinh sống từ đó cho đến nay. Anh T xin ly hôn chị, chị đồng ý và đề nghị anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị. Do chị và anh T không thể nói chuyện được với nhau nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và chị đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung như anh T trình bày là đúng. Ly hôn chị xin nuôi cháu Ng vì: Chị là công nhân may, thu nhập khoảng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1tháng; chị đang ở nhà mẹ đẻ chỉ là chỗ ở tạm thời. Trường hợp cháu Tr, cháu L có nguyện vọng ở với chị thì chị xin nuôi các cháu Tr, Ng, L và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

- Tại phiên tòa:

- Anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H; xin nuôi các cháu L, Ng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh muốn chị H nuôi dưỡng cháu Tr vì cháu Tr đã lớn, giúp đỡ chị H được nhiều việc trong cuộc sống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên toà chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung, giao cho anh Nguyễn Bá T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu Tr, Nguyễn Thùy L, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H đến khi có quyết định khác; giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Bá T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định tài sản chung của vợ chồng không có nên Tòa án chỉ giải quyết hai mối quan hệ: ly hôn, nuôi con là có căn cứ và đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị H khai chị và anh T không thể nói chuyện được với nhau nên chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt chị H trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T xin được ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T, chị H kết hôn ngày 16/01/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T, chị H chung sống cùng nhau đến khoảng cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T cho rằng chị H ghen tuông vô cớ, cư xử hỗn láo với bố mẹ anh; theo chị H cho rằng anh T có mối quan hệ bất chính bên ngoài, không quan tâm chăm sóc gia đình và có đánh chị. Anh T và chị H đã sống ly thân nhau kể từ khoảng cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T xin ly hôn, chị H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh T và chị H mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và xử cho anh Nguyễn Bá T được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án buộc anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và

gia đình quy định vợ chồng bình đẳng với nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong đình. Do vậy, yêu cầu của chị H không được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của anh T xin được nuôi cháu Nguyễn Thùy L; Nguyễn Bảo Ng; chị H xin nuôi cháu Nguyễn Bảo Ng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng của cháu Tr, L đều xin ở với chị H nhưng chị H xin nuôi cháu Ng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác nhận mức thu nhập của chị có hạn chỉ nuôi được cháu Ng, hiện tại chị H đang ở nhà mẹ đẻ; anh T là công chức xã có mức lương hàng tháng ổn định ngoài ra anh T còn làm nghề tổ chức sự kiện nên điều kiện kinh tế của anh T cao hơn chị H, anh T có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ anh T từ khi anh T, chị H còn chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, cháu Ng còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Xét thấy, giao cháu Nguyễn Bảo Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thu Tr, cháu Nguyễn Thùy L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Anh T, chị H đều xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Bá T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung tên các cháu là: Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 09/02/2005; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/02/2009; Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/11/2012. Giao cháu Nguyễn Bảo Ng cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Giao cháu Nguyễn Thu Tr, Nguyễn Thùy L cho anh Nguyễn Bá T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh Tước có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T, chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0010023 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

